

Số: /BC-CTK

Bến Tre, ngày tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẾN TRE
QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh mặc dù trong điều kiện không có nhiều thuận lợi, tuy nhiên, với sự tập trung chỉ đạo quyết liệt, sự phối hợp đồng bộ của các ngành, các cấp, tình hình kinh tế - xã hội đã đạt được một số kết quả nhất định như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá so với với nhiều năm qua và đứng thứ 2/13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long; thu ngân sách đạt khá cao; tổng vốn đầu tư toàn xã hội, giá trị sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa và kim ngạch xuất khẩu có sự tăng trưởng khá so với cùng kỳ; tình hình hạn mặn được kiểm soát, các giải pháp ứng phó được triển khai đồng bộ, hiệu quả và quy tụ được sức mạnh của toàn xã hội; tỷ lệ người dân tham gia BHYT vượt chỉ tiêu nghị quyết; công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ; công tác tổ chức và chăm lo cho các đối tượng chính sách, gia đình có công với cách mạng và các hộ gia đình nghèo được thực hiện tốt; công tác cải cách hành chính và cải cách công vụ chuyển biến tích cực; quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, tuyến quân đạt chỉ tiêu được giao, tai nạn giao thông giảm cả 03 mặt so với cùng kỳ; tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Kết quả cụ thể ở một số lĩnh vực cụ thể như sau:

I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) 6 tháng đầu năm 2021 ước tăng 6,47% so cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phục hồi khá tốt sau đợt hạn mặn lịch sử ở năm 2020 để có mức đóng góp lớn nhất cho nền kinh tế. Trong mức tăng 6,47% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng 7,29%, đóng góp 2,54 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,64%, đóng góp 1,55 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ đạt mức tăng trưởng 5,36%, đóng góp 2,19 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt mức tăng trưởng 4,74%, đóng góp 0,19 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung.

Cụ thể từng khu vực như sau:

Khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản: Khu vực I có sự phục hồi và tăng trưởng đáng kể (tăng trưởng 7,29%). Công tác ứng phó với xâm nhập mặn được tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ, cùng với sự vận hành hiệu quả của hệ thống ngăn mặn trữ ngọt, nên đã hạn chế tối đa ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến đời sống người dân và không gây thiệt hại lớn cho cây trồng, vật nuôi.

Đề án tái cơ cấu nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tiếp tục được tập trung thực hiện. Đến nay, toàn tỉnh có 109 THT, 55 HTX tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực với nhiều kết quả khả quan: Chuỗi sản phẩm dứa: Đã hình thành 48 THT, 24 HTX ; thực hiện liên kết với tổng diện tích 12.036,54 ha, chiếm 16,5% tổng diện tích dứa toàn tỉnh, trong đó có 9.778,72 ha diện tích dứa hữu cơ. Chuỗi sản phẩm bưởi da xanh: đã hình thành 32 THT BDX, 09 HTX BDX; thực hiện liên kết với diện tích ước khoảng 330 ha. Chuỗi con heo: đã có 02 THT và 04 HTX với 138 hộ tham gia với khoảng 7.524 con. Chuỗi con bò: đã có 01 THT và 03 HTX tham gia liên kết với các công ty và HTX với tổng cộng 1.391 con chiếm 0,6% tổng đàn bò trên địa bàn tỉnh. Chuỗi tôm biển: đã có 01 THT và 03 HTX tham gia liên kết với các công ty, doanh nghiệp với tổng cộng diện tích 243,28 ha. Ngoài ra, các chuỗi cây chôm chôm, nhãn và hoa kiểng chỉ mới hình thành được các liên kết ngang (THT, HTX) và bắt đầu thực hiện liên kết dọc với các công ty, doanh nghiệp, nhưng diện tích vẫn còn nhỏ lẻ, vẫn còn ở mức tạm thời, chưa có sự ràng buộc bởi các hợp đồng liên kết. Sản xuất nông nghiệp từng bước chuyển đổi theo qui chuẩn sạch, an toàn, tập trung xây dựng chứng nhận chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu sản phẩm, truy xuất nguồn gốc... hướng đến phát triển thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp tỉnh: đã có khoảng 9.869 ha cây ăn trái, dứa và tôm biển được công nhận GAP và hữu cơ, 2/8 sản phẩm chủ lực được xây dựng chỉ dẫn địa lý, triển khai xây dựng 10 nhãn hiệu tập thể, 03 nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm chủ lực của địa phương, có 09 cơ sở vùng trồng đã được cấp mã Trung Quốc (gồm: 03 vùng trồng nhãn; 04 vùng trồng chôm chôm; 01 vùng trồng mít; 01 vùng trồng chuối) và 22 cơ sở vùng trồng đã được cấp mã Châu Âu (gồm: 03 vùng trồng bưởi da xanh; 13 vùng trồng chôm chôm; 02 vùng trồng nhãn; 04 vùng trồng xoài). Tình hình chăn nuôi cũng có nhiều chuyển biến tích cực, đàn bò, gia cầm tiếp tục phát triển ổn định, đàn lợn đang trên đà hồi phục. Lĩnh vực nuôi thủy sản tiếp tục phát triển đặc biệt với lĩnh vực nuôi tôm biển thâm canh. Do vậy giá trị tăng thêm ở khu vực này tính theo giá so sánh ước đạt 5.705 tỷ đồng, tăng 7,29% so cùng kỳ, trong đó lĩnh vực nông nghiệp ước 3.257 tỷ đồng, tăng 8,17%; lĩnh vực nuôi trồng thủy sản 2.433 tỷ đồng, tăng 6,18%.

Khu vực công nghiệp - xây dựng: Tình hình sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp CN-TTCN còn gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn duy trì được tăng trưởng tích cực. Để giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch Covid-19, một số doanh nghiệp đã linh hoạt, mạnh dạn chuyển đổi ngành nghề, cơ cấu lại sản phẩm, tìm ra những hướng đi mới phù hợp với nhu cầu thị trường để tồn tại và phát triển. Ở lĩnh vực xây dựng, vẫn còn rất nhiều khó khăn do giá nguyên vật liệu tăng ở mức cao đặc biệt là giá thép xây dựng tăng đột biến gây ảnh hưởng đến tiến độ thi công của các công trình. Tuy nhiên dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo địa phương, cùng với sự phấn đấu chung của toàn ngành xây dựng. Trong 6 tháng đầu năm 2021, lĩnh vực đầu tư xây dựng của tỉnh Bến Tre đã có những chuyển biến rất tích cực và có những đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng chung của toàn khu vực. Giá trị tăng thêm ở toàn khu vực này vẫn đạt mức tăng

trường khá, ước 3.337 tỷ đồng, tăng 7,64%, trong đó công nghiệp ước đạt 2.525 tỷ đồng, tăng 7,90, ngành xây dựng ước đạt 812 tỷ đồng, tăng 6,83% so cùng kỳ.

Khu vực dịch vụ: Thời gian qua, dịch Covid-19 trong nước có diễn biến phức tạp, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nhu cầu thị trường trong nước và thế giới giảm mạnh, ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của địa phương. Tuy nhiên, sau khi trải qua biến động, các cơ sở kinh doanh dịch vụ, thương mại trên địa bàn tỉnh đã có những kinh nghiệm ứng phó, thích nghi với tình hình mới. Nhiều cơ sở, doanh nghiệp đã chủ động áp dụng những chiến lược kinh doanh riêng tùy theo đặc thù, vị trí của từng cửa hàng, kết nối với các ứng dụng giao hàng trực tuyến. Điều này giúp cho cộng đồng an tâm phòng dịch, ổn định cuộc sống, từ đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Hoạt động ngân hàng tiếp tục có những bước tiến quan trọng tạo nên động lực phát triển cho toàn khu vực. Do vậy giá trị tăng thêm theo giá so sánh ở khu vực này ước đạt 6.570 tỷ đồng, tăng 5,36% so cùng kỳ.

Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước 643 tỷ đồng, tăng 4,74% so với cùng kỳ năm trước.

Quy mô GRDP 6 tháng đầu năm 2021 theo giá hiện hành đạt 28.035 tỷ đồng, trong đó khu vực nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng 36,91%; khu vực công nghiệp xây dựng chiếm tỷ trọng 18,82%; khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 40,34%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm tỷ trọng 3,93% .

II. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Thu, chi ngân sách

Trong 6 tháng đầu năm 2021, tình hình thu ngân sách ước đạt tương đối khá cao, so cùng kỳ. Nguồn thu phát sinh chủ yếu từ khu vực DNNN nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh, thuế thu nhập cá nhân và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Do các doanh nghiệp quyết toán và nộp thuế TNDN phát sinh trong năm 2020, một số doanh nghiệp đã hết thời gian hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN nên số thu đạt cao so với dự toán. Tuy nhiên, trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp; giá cả và thị trường tiêu thụ các nông sản chủ lực không ổn định; tình hình dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi vẫn còn diễn biến khá phức tạp; thiếu quỹ đất sạch để thu hút đầu tư... đã tác động đến kinh tế và nguồn thu ngân sách nhà nước của tỉnh nhà. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2021 là 3.332 tỷ đồng, đạt 68% so với dự toán TW giao, so với địa phương giao đạt 64,4% và tăng 31,9% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó có 08/16 khoản thu, sắc thuế đạt và vượt dự toán TW: Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài 70,2%; thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh 77%; thu từ tiền sử dụng đất 76,7%; thu từ hoạt động XSKT đạt 66,2%; thu cổ tức, lợi nhuận được chia đạt 97%.

Chi ngân sách địa phương chưa đạt tiến độ dự toán được giao, ước 6 tháng đầu năm 2021 ước thực hiện 4.429 tỷ đồng chỉ đạt 44,2% dự toán TW giao, trong đó: chi thường xuyên đạt tỷ lệ 46% dự toán do nguồn vốn chi sự

nghiệp mang tính chất đầu tư, kinh phí bố trí để chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị trường học...đang trong thời gian triển khai thực hiện nên chưa có khối lượng để thanh toán. Chi đầu tư phát triển đạt 69,63% dự toán, do địa phương tập trung giải ngân bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư CSHT khu công nghiệp Phú Thuận.Địa phương tiếp tục điều hành quản lý ngân sách, đảm bảo kịp thời nhu cầu chi an sinh xã hội, các khoản phụ cấp, chi hỗ trợ người dân chăm sóc, khôi phục vườn dừa bị ảnh hưởng sau hạn mặn, phòng chống dịch bệnh và các nhiệm vụ chi cần thiết, cấp bách khác. Đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, nhắc nhở, đôn đốc đơn vị chủ động thực hiện dự toán được giao, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, đẩy nhanh tiến độ triển khai nhiệm vụ hoạt động của ngành, tránh trường hợp chậm thực hiện phải điều chỉnh dự toán nhiều lần hoặc hủy dự toán làm ảnh hưởng đến khả năng cân đối ngân sách.

2. Hoạt động ngân hàng

Ước trong 6 tháng đầu năm, tổng vốn huy động ước đạt 46.300 tỷ đồng, tăng 4% so đầu năm; doanh số cho vay ước đạt 33.970 tỷ đồng, tăng 23,9% so cùng kỳ; dư nợ đạt 44.880 tỷ đồng tăng 7% so đầu năm; nợ xấu được kiểm soát tốt và chỉ chiếm 0,75% tổng dư nợ. Thực hiện tốt các giải pháp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp: Cho vay DN lũy kế từ đầu năm đạt 8.000 tỷ đồng, chiếm 23,6% tổng cho vay trên địa bàn, trong đó cho vay DN khởi nghiệp 80 tỷ đồng, cho vay DN mở rộng sản xuất kinh doanh 1.000 tỷ đồng; dư nợ đạt 10.600 tỷ đồng, tăng 6,6% so với đầu năm; lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất cho vay thông thường cùng loại từ 0,2%-1%/năm. Cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn: Doanh số cho vay lũy kế từ đầu năm đạt 21.740 tỷ đồng, chiếm 64% tổng cho vay, dư nợ ước đạt 32.100 tỷ đồng, tăng 8,7% so đầu năm, chiếm 71,5% tổng dư nợ cho vay trên địa bàn. Hỗ trợ kịp thời khách hàng bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch bệnh và hạn mặn: Đến ngày 30/4/2021, có 5.672 khách hàng được hỗ trợ bởi ảnh hưởng của dịch Covid – 19 và hạn mặn với dư nợ 17.144 tỷ đồng, trong đó cho vay mới 2.497 khách hàng với số tiền 13.710 tỷ đồng; cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho 593 khách hàng với dư nợ 611,5 tỷ đồng; miễn, giảm, hạ lãi suất cho 2.602 khách hàng với dư nợ 2.823 tỷ đồng. Các ngân hàng luôn tích cực chia sẻ khó khăn và đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp trong khắc phục khó khăn do tác động kép của dịch bệnh và hạn mặn.

III. GIÁ CẢ, LẠM PHÁT

Trong tháng 6/2021 tình hình dịch Covid - 19 lan nhanh và phức tạp hơn, tuy trên địa bàn chưa có ca nhiễm Covid - 19 nhưng Ủy ban Nhân dân tỉnh cũng đã chỉ đạo tạm dừng các hoạt động vận tải đường bộ, đường thủy đến các tỉnh có dịch, các tuyến xe buýt nội tỉnh chạy giãn cách, qui định số người chờ không quá 20 hành khách, bắt buộc người dân thực hiện tốt “khẩu hiệu 5K” nhằm để bảo vệ bản thân và sự lây lan trong cộng đồng, một số hoạt động dịch vụ vui chơi giải trí tạm dừng đóng cửa vào mùa dịch. Trong tháng chỉ số giá nhóm giao thông tăng so tháng trước nguyên nhân do giá xăng dầu điều chỉnh tăng; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm do hạn chế tụ tập đông người nên nhiều cửa

hàng, quán ăn tạm đóng cửa hoặc chuyển qua bán hàng mang về nhà. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 06/2021 của tỉnh tăng 0,01% so tháng trước, trong đó: khu vực thành thị tăng 0,02%, khu vực nông thôn tăng 0,01%. Nhìn chung trong 6 tháng đầu năm, mức giá của tất cả các nhóm hàng hoá trên thị trường biến động nhẹ, CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2021 so cùng kỳ tăng 1,96%. Một số nhóm hàng có giá tăng cao trong 6 tháng đầu năm so cùng kỳ năm trước như: nhóm giao thông tăng 6,46% do điều chỉnh giá xăng dầu; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,59%, trong đó nhóm lương thực tăng 5,24%, nhóm thực phẩm tăng 2,82%; kể đến là nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2,28%, hàng hóa khác có mức tăng 2,06%... Có 4 nhóm hàng có chỉ số giá giảm đó là nhóm văn hoá giải trí và du lịch giảm 0,66%, nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 người dân hạn chế tham gia các hoạt động vui chơi giải trí, du lịch nên giá của các dịch vụ này giảm, nhóm bưu chính viễn thông giảm 1,20%, nhóm thiết bị đồ dùng gia đình giảm 0,3%, nguyên nhân do nhu cầu mua sắm các vật dụng gia đình thiết yếu trong mùa dịch giảm, các cửa hàng, cửa hiệu, siêu thị điện máy đưa ra nhiều khuyến mãi lớn, áp dụng các hình thức bán hàng trả góp với lãi suất 0% nhằm để thu hút khách hàng, nhóm đồ uống và thuốc lá giá giảm không đáng kể.

Chỉ số giá vàng tháng 6/2021 tăng 1,12% so với tháng trước, bình quân 6 tháng đầu năm tăng 17,67% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá đôla Mỹ tháng 6/2021 giảm 0,16% so với tháng trước, bình quân 6 tháng đầu năm giảm 0,67% so với cùng kỳ năm trước.

IV. ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

1. Đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 6 tháng đầu năm ước thực hiện 10.021 tỷ đồng, tăng 12,08% so cùng kỳ và đạt 44,10% kế hoạch; trong đó, vốn ngân sách nhà nước ước 1.629,4 tỷ đồng, tăng 7,85% so cùng kỳ, vốn đầu tư của doanh nghiệp trong nước và dân cư ước thực hiện 7.232,8 tỷ đồng, tăng 13,3%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước 232,2 tỷ đồng, tăng 38,91% so 6 tháng năm 2020.

Thu hút đầu tư nước ngoài (FDI): Trong 6 tháng đầu năm, thu hút được 6,3 triệu USD vốn đầu tư nước ngoài (FDI), bằng 34% so cùng kỳ; trong đó: cấp mới 01 dự án, điều chỉnh 09 dự án, chấm dứt 04 dự án; đến nay, toàn tỉnh có 61 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 1.712,49 triệu USD. Thu hút 5.926,74 tỷ đồng vốn đầu tư trong nước, gấp 4 lần so cùng kỳ, đạt 74,08% kế hoạch; trong đó: cấp mới 06 dự án, vốn đăng ký 5.806,96 tỷ đồng, điều chỉnh 08 dự án, trong đó điều chỉnh tăng vốn cho 03 dự án với 119,78 tỷ đồng; thu hồi/chấm dứt 06 dự án; đến nay, toàn tỉnh có 269 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 63.849,56 tỷ đồng.

2. Hoạt động xây dựng

Tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành 6 tháng đầu năm 2021 ước thực hiện 5.132,9 tỷ đồng, tăng 8,22% so với cùng kỳ. Trong tổng giá trị sản xuất, giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà ở đạt 2.957 tỷ đồng, tăng

8,77%; công trình nhà không để ở đạt 1.075,9 tỷ đồng, tăng 9,08%; công trình kỹ thuật dân dụng đạt 889 tỷ đồng, tăng 3,14%; hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 210,9 tỷ đồng, tăng 19,98%. Một số công trình trọng điểm được tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công như: Dự án ĐH.173 đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ huyện Châu Thành đến tượng đài tiểu đoàn 516 huyện Ba Tri. Dự án Nâng cấp ĐT.883 đoạn từ đường vào cầu Rạch Miễu đến cầu An Hóa (giai đoạn 2). Xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền các huyện biển Bình Đại - Ba Tri - Thạnh Phú đang triển khai thi công; triển khai Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày; Dự án tuyến đê dọc phường 8 Thành phố Bến Tre, Bờ kè cầu Cá Lóc; Đề án Kiên cố hóa trường học như: trường THCS Thành phố Bến Tre, trường THCS Mỹ Hòa... và các công trình giao thông, các trạm y tế xã nông thôn mới.

V. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên; tổ chức thành công Hội thảo “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bắt đầu từ đâu”; hỗ trợ 11 hộ kinh doanh cá thể chuyển lên doanh nghiệp. Các hoạt động tại Không gian Đổi mới sáng tạo Mekong (MIHUB) tiếp tục tập trung triển khai và có sự lan tỏa mạnh mẽ, là nơi gặp gỡ, giao lưu của cộng đồng khởi nghiệp tỉnh Bến Tre: Hỗ trợ 131 lượt cá nhân, doanh nghiệp (DN) khởi nghiệp, tổ chức về TTHC, kết nối khởi nghiệp, tư vấn phát triển dự án, chuyển đổi từ hộ kinh doanh lên DN, thủ tục xin vay vốn từ Quỹ Đầu tư Khởi nghiệp và các Ngân hàng thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm cho DN; tiếp nhận và hỗ trợ 60 lượt sự kiện, hoạt động do Hội doanh nhân trẻ và các CLB tổ chức; tiếp và hỗ trợ 420 lượt DN/dự án khởi nghiệp về các khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm đạt rất nhiều kết quả khả quan, cụ thể: có 249 doanh nghiệp và 211 đơn vị trực thuộc thành lập mới với vốn đăng ký 3.792,7 tỷ đồng, đạt 38,91% kế hoạch, tăng 9,69% về số doanh nghiệp và 2,35 lần về vốn đăng ký so cùng kỳ; có 280 doanh nghiệp đăng ký thay đổi, giảm 2,1% so cùng kỳ; 106 doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động, giảm 19,08% so cùng kỳ và 53 doanh nghiệp giải thể, giảm 2 doanh nghiệp so cùng kỳ.

VI. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

a. Cây lúa

Trong 6 tháng đầu năm 2021, người dân đã thu hoạch xong 2 vụ lúa đông xuân và vụ mùa, tổng diện tích lúa được 16.050 ha, đạt 142,48% so cùng kỳ năm trước. Năng suất lúa đạt 44,17 tạ/ha, so cùng kỳ năm trước tăng 21,19% so cùng kỳ năm trước. Sản lượng thu hoạch đạt 70.895 tấn, so cùng kỳ tăng 222,53% so cùng kỳ năm trước, cụ thể từng vụ như sau:

Diện tích lúa mùa đã xuống giống của toàn tỉnh là 5.025 ha (toàn bộ diện tích tập trung ở hai huyện Bình Đại và Thạnh Phú), đạt 83,95% so vụ lúa mùa cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân diện tích giảm chủ yếu do bỏ vụ và một ít

chuyển sang nuôi trồng thủy sản. Năng suất bình quân ước đạt 29,8 tạ/ha, giảm 18,16% so cùng kỳ năm trước nguyên nhân do lúc đầu vụ thời tiết nắng hạn kéo dài làm cây lúa sạ bị chết và chậm phát triển nên làm ảnh hưởng đến năng suất chung. Tổng sản lượng lúa thu được trong vụ là 14.977 tấn, giảm 31,3% so cùng kỳ.

Diện tích lúa đông xuân là 11.025 ha, tăng 108,85% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do năm trước ảnh hưởng của hạn mặn nên phần lớn người dân chủ động bỏ vụ không xuống giống vụ lúa đông xuân 2020, một số ít xuống giống thì bị mất trắng do hạn mặn. Năm nay, nông dân trồng lúa trong tỉnh rất phấn khởi vì trúng mùa và được giá. Năng suất bình quân đạt 52,96 tạ/ha, năng suất đạt cao là do xuống giống sớm không bị ảnh hưởng của hạn mặn, cộng với thời tiết thuận lợi và sâu bệnh phát sinh ít, phần lớn đều được người dân phòng trị kịp thời nên cây phát triển tốt. Tổng sản lượng trong vụ thu được là 55.981 tấn.

Năm nay mùa mưa đến sớm nên sau khi thu hoạch lúa đông xuân, người dân đang tiến hành cày xới để xuống giống vụ lúa Hè thu năm 2021 và ước tính toàn tỉnh đã xuống giống được 9.901 ha, thời tiết thuận lợi nên cây lúa phát triển tốt.

b. Cây hàng năm khác

Cây rau màu các loại được người dân trên địa bàn tỉnh canh tác quay vòng quanh năm. Phần lớn diện tích rau màu tỉnh Bến Tre chỉ được trồng tập trung và có giá trị cao ở các huyện Ba Tri, Giồng Trôm, Thạnh Phú và Bình Đại; số diện tích còn lại chỉ trồng nhỏ lẻ mang tính tự cung, tự cấp nhằm cải thiện bữa ăn cho hộ gia đình. Tổng diện tích toàn tỉnh ước tính đến nay là 2.382 ha, giảm 4,49% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do trên địa bàn tỉnh thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn mặn vào mùa khô nên một số diện tích bỏ vụ; chuyển sang trồng cỏ, trồng cây giống ... Tổng sản lượng rau các loại toàn tỉnh trong kỳ báo cáo ước tính được 37.160 tấn, giảm 0,89% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do giảm diện tích thu hoạch.

c. Cây lâu năm

Tổng diện tích dừa toàn tỉnh đến nay là 74.092 ha, tăng 2,27% (tương ứng tăng 1.642 ha) so cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, diện tích dừa tăng so cùng kỳ nguyên nhân là do một số diện tích cây trồng khác không hiệu quả hoặc không còn phù hợp với vùng canh tác được người dân chuyển sang trồng dừa vì cây dừa dễ trồng và ít tốn công cũng như chi phí chăm sóc. Diện tích tăng chủ yếu ở diện tích trồng dừa xiêm xanh uống nước vì hiệu quả từ loại trái dừa này khá cao. Tổng diện tích dừa xiêm xanh uống nước toàn tỉnh hiện nay khoảng 14.395 ha, chiếm 19,43% trong tổng diện tích dừa của tỉnh. Tổng sản lượng dừa trong 6 tháng đầu năm ước tính được 325.313 tấn (tương đương 325.313 nghìn quả), tăng 1,02% (tương ứng tăng 3.284 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Tình hình sâu bệnh hại trên cây dừa diễn biến phức tạp; toàn tỉnh 393,4 ha dừa nhiễm sâu đầu đen và 4.640 ha dừa nhiễm bọ cánh cứng, tăng 2.888 ha so cùng kỳ; ngành Nông nghiệp tích cực phối hợp triển khai quyết liệt các biện pháp để xử lý, nhất là dập dịch sâu đầu đen. Đến nay đã thực hiện công tác phòng trừ khoảng 160 ha, thu

thập và nhân nuôi 03 loài ong ký sinh sâu đầu đen để đánh giá tiềm năng ký sinh và xây dựng quy trình để phóng thích ra tự nhiên khi đủ điều kiện; riêng huyện Bình Đại, đã phối hợp với Công ty xuất nhập khẩu Betrimex phun dầu ruồi lính đen với diện tích 53,07 ha và thả 3,75 triệu con ong ký sinh mắt đỏ.

Tổng diện tích cây ăn quả toàn tỉnh ước tính được là 26.652 ha, giảm 4,30% so cùng kỳ năm trước. Diện tích giảm chủ yếu là do một số diện tích trồng chôm chôm, chuối, măng cụt, cam, nhãn... không còn hiệu quả được người dân đốn bỏ để sang trồng các loại cây khác hoặc chuyển sang mục đích sử dụng khác. Tuy diện tích giảm nhưng do người dân tập trung chăm sóc, áp dụng các biện pháp canh tác hiệu quả và tiếp cận ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, các vườn cây gần như phục hồi hoàn toàn sao đợt hạn mặn từ năm trước. Mặt khác, tình hình sinh vật gây hại trên cây ăn trái không đáng kể và có chiều hướng giảm. Do đó sản lượng trái cây thu hoạch trong năm tăng nhẹ so cùng kỳ, ước đạt 158.828 tấn, tăng 3,79% so cùng kỳ năm trước.

d. Chăn nuôi

Trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh chỉ xảy ra 01 ổ dịch lở mồm long móng trên bò ở ấp Giồng Kiến, xã Phú Long, huyện Bình Đại với tổng số bò bệnh 03 con. Đặc biệt xuất hiện 02 ổ dịch tả lợn Châu Phi ở xã Cẩm Sơn - huyện Mỏ Cày Nam và xã Vang Quới Tây - huyện Bình Đại với tổng số lợn bệnh là 45 con, chết 20 con. Tuy nhiên do làm tốt công tác phòng chống dịch nên dịch bệnh được khống chế rất tốt, không xuất hiện thêm ổ mới. Nhờ đó tình hình chăn nuôi trong 6 tháng đầu năm có nhiều chuyển biến tích cực.

Tổng đàn bò toàn tỉnh hiện có 227.667 con, tăng 1,41% (tương ứng tăng 3.167 con) so với cùng kỳ. Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng trong 6 tháng đầu năm ước đạt 14.668 tấn, tăng 1,93% so cùng kỳ. Nguyên nhân, là do giá cả đầu ra ổn định, vì vậy người chăn nuôi vẫn duy trì và phát triển tổng đàn.

Tình hình chăn nuôi lợn trong kỳ báo cáo tương đối thuận lợi, đàn lợn đang trong quá trình phục hồi, tuy vẫn còn nhiều khó khăn như thời tiết, dịch bệnh... nhưng qui mô cải thiện đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Nhiều hộ nuôi tập trung gây lại đàn lợn nái và nuôi lợn thịt tự sản xuất. Một số hộ nhập con giống ngoại tỉnh nhưng không nhiều do giá cả còn đắt đỏ. Tổng đàn lợn (*không tính lợn con chưa tách mẹ*) toàn tỉnh hiện có 295.649 con, so cùng kỳ tăng 22,91%. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng trong 6 tháng đầu năm ước khoảng 31.963 tấn, giảm 6,46% so với cùng kỳ.

Đến thời điểm báo cáo, tổng đàn gia cầm toàn tỉnh hiện có 7.635 nghìn con (không tính đàn chim cút, bồ câu), giảm 1,96% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó đàn gà chiếm khoảng 85,33 tổng đàn gia cầm của toàn tỉnh. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 20.729 tấn, giảm 3,59% so với cùng kỳ. Tình hình chăn nuôi gà trong 6 tháng đầu năm tương đối ổn định. Tuy nhiên, do thời tiết trong 6 tháng đầu năm không thuận lợi, kết hợp tình hình xâm nhập mặn nên nhiều hộ nuôi hạn chế trong việc tái đàn.

2. Lâm nghiệp

Trong 6 tháng đầu năm 2021, ngành chức năng đã trồng được 11 ha rừng phòng hộ ở hai huyện Bình Đại và Ba Tri, dự kiến diện tích rừng còn lại sẽ được

trồng vào khoảng quý III và quý IV. Tình hình khai thác các sản phẩm lâm nghiệp diễn ra thường xuyên: 1.667 m³ gỗ, 12.863 ste củi khai thác. Sản lượng khai thác ít nguyên nhân do trong kỳ không có tia thưa củi rừng trồng và cây phân tán tự mọc ngày càng ít dần nên sản lượng khai thác giảm.

Trong 6 tháng đầu năm phát hiện và xử lý 02 trường hợp vi phạm chặt phá và lấn chiếm đất rừng. Về công tác phòng chống cháy rừng, do đặc điểm tỉnh Bến Tre chỉ có diện tích rừng ngập mặn, nên trong kỳ báo cáo không xảy ra vụ cháy rừng.

3. Thủy sản

Trong 6 tháng đầu năm, tình hình nuôi trồng và khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định và có bước phát triển. Tổng sản lượng thủy sản thu hoạch trong quý II đạt 137.116 tấn, tăng 6,68% so cùng kỳ năm trước, lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 247.473 tấn, tăng 4,35% so với cùng kỳ năm trước.

a. Tình hình nuôi thủy sản

Tổng sản lượng nuôi trồng trong quý II ước đạt 74.531 tấn, tăng 12,63% so cùng kỳ năm trước, lũy kế 6 tháng đầu năm sản lượng thu hoạch ước 131.431 tấn, tăng 7,67% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng tăng chủ yếu ở sản lượng tôm thẻ chân trắng cụ thể đối với từng loại thủy sản như sau:

Nuôi tôm: Diện tích nuôi tôm sú trong 6 tháng đầu năm ước tính khoảng 23.515 ha, tăng 2,37% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng tôm sú thu hoạch trong 6 tháng ước đạt 1.092 tấn, tăng 1,68% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng trong 6 tháng đầu năm ước tính khoảng 5.289 ha, phần lớn diện tích đều nuôi với hình thức thâm canh, bán thâm canh, so với cùng kỳ năm trước tăng 1,34%. Sản lượng tôm thu hoạch trong 6 tháng đầu năm ước đạt 27.398 tấn, so với cùng kỳ năm trước 19,85%. Nguyên nhân là do tình hình thời tiết thuận lợi, tôm nuôi phát triển tốt nên năng suất thu hoạch tăng khá.

Nuôi cá tra thâm canh: Năm nay, tình hình nuôi cá tra thâm canh ít bị ảnh hưởng của nước mặn so với cùng kỳ năm trước, nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên giá cá tra nguyên liệu giảm, nhiều doanh nghiệp nuôi bị thua lỗ. Diện tích cá tra thả nuôi trong 6 tháng đầu năm ước đạt 534 ha so cùng kỳ tăng 1,71%. Sản lượng cá tra thâm canh thu hoạch 6 tháng đầu năm 2021 ước 81.148 tấn, tăng 5,44% so với cùng kỳ năm trước.

Nuôi thủy sản khác: thủy sản nuôi khác chủ yếu là nghêu, sò và hào. Trong 6 tháng đầu năm do điều kiện nuôi tương đối thuận lợi. Sản lượng thủy sản khác thu hoạch ước đạt 10.656 tấn, tăng 4,91% so với cùng kỳ năm trước.

b. Tình hình khai thác thủy sản

Nhìn chung, tình hình khai thác thủy sản biển trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh Bến Tre cơ bản ổn định. Các đội tàu chủ động vươn khơi bám biển, cải hoán, nâng cao công suất vì thế sản lượng tăng so với cùng kỳ năm 2020. Tổng sản lượng thủy sản khai thác trong quý II ước đạt 62.585 tấn, tăng 0,37% so cùng năm trước; lũy kế 6 tháng đầu năm ước 116.042 tấn, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,58%, trong đó sản lượng cá khai thác được 89.354 tấn, so cùng kỳ năm trước tăng 0,22%; sản lượng tôm 4.435 tấn, tăng 0,57%; thủy sản khác 22.253 tấn, tăng 2,07% so cùng kỳ năm trước.

4. Xây dựng nông thôn mới

Công tác xây dựng NTM tiếp tục được các ngành, các cấp tích cực triển khai thực hiện; nghiên cứu ban hành hướng dẫn trình tự lập và phê duyệt Đề án huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao. Đến nay, toàn tỉnh có 58 xã đạt 19 tiêu chí, 35 xã đạt 15-18 tiêu chí, 49 xã đạt 10-14 tiêu chí và không có xã đạt dưới 10 tiêu chí. Trung bình đạt 15,82 tiêu chí/xã: Kết quả thực hiện 04 tiêu chí cứng (tính đến cuối tháng 04/2020): Có 75/142 xã đánh giá đạt tiêu chí Giao thông; 120/142 xã tự đánh giá đạt tiêu chí Thu nhập; 94/142 xã tự đánh giá đạt tiêu chí Môi trường và An toàn thực phẩm; 122/142 xã tự đánh giá đạt tiêu chí Quốc phòng và An ninh. Phong trào “Ngày chủ nhật nông thôn mới” tiếp tục được duy trì thực hiện với các chủ đề đa dạng, phong phú, góp phần nâng cao kết quả xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.

VII. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tình hình sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm còn gặp nhiều khó khăn nhưng một số doanh nghiệp đã linh hoạt, mạnh dạn chuyển đổi ngành nghề, cơ cấu lại sản phẩm, tìm ra những hướng đi mới phù hợp với nhu cầu thị trường để tồn tại và phát triển. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp quý II năm 2021 tăng 7,36% so cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp khai thác mỏ giảm 8,41%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,57%; ngành phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 49,53%, do từ tháng 7/2020 Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lượng Thành Công chính thức đi vào hoạt động; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,82% so cùng kỳ năm trước.

Trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, một số ngành có chỉ số sản xuất tăng so cùng kỳ, trong đó: tăng cao nhất ở sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 98,73%; sản xuất đồ uống tăng 23,95%; In, sao chép bản ghi các loại tăng 66,36%; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 12,74%; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 10,55%; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 8,45%; Sản xuất trang phục, sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng lần lượt 12,37% và 14,76%. Bên cạnh đó còn một số ngành có chỉ số sản xuất giảm mạnh so kỳ trước như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; Dệt,

Lũy kế 6 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất của toàn ngành công nghiệp tăng 7,06%, trong đó chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp khai thác mỏ giảm 9,28%; ngành công nghiệp chế biến tăng 6,18%; ngành phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 51,18%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,92% so cùng kỳ năm trước. Trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo một số ngành có chỉ số tăng cao so với cùng kỳ đó là các ngành: Sản xuất đồ uống tăng 30,02% so cùng kỳ năm trước; Sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 73,71% so cùng kỳ năm trước; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 11,90%; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 12,36%; In, sao chép bản ghi các loại tăng 58,78%. Một số ngành có chỉ số giảm như: Dệt giảm 7,01%; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 6,64%; Sản xuất sản

phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 3,58%. Một số sản phẩm chủ yếu của tỉnh tăng so cùng kỳ năm trước: bia đóng lon tăng 168,95%; cơm dừa nạo sấy tăng 20,90%; thuốc lá có đầu lọc tăng 73,71%; giày dép tăng 20%; giấy và bì khác tăng 10,36%; thùng hộp bằng bì cứng tăng 30,10%; bộ đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ tăng 3,70%; điện thương phẩm tăng 11,92% so cùng kỳ năm trước. Một số sản phẩm có sản lượng giảm so với cùng kỳ năm trước như: Phi lê cá và các loại cá khác tươi ướp lạnh, bia đóng chai, túi xách...

Chỉ số sử dụng lao động (chỉ tính cho khu vực doanh nghiệp) giảm 1,69% so cùng kỳ năm trước. Chia theo loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp nhà nước tăng 3,65% so cùng kỳ năm trước; Doanh nghiệp ngoài quốc doanh giảm 5,09% cùng kỳ năm trước; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 1,05% so cùng kỳ năm trước. Đến nay, tuy tình hình sản xuất dần được phục hồi nhưng số lượng lao động còn giảm so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến 6 tháng đầu năm tăng 4,71% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 4,46%. Sản xuất đồ uống tăng 11,74%. Sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 117,96%. Dệt tăng 20,73%. Sản xuất trang phục tăng 17,65%. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 6,54%. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 13,42%. Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 0,96%. Sản xuất xe có động cơ tăng 3,35% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số tồn kho tăng 9,82% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Sản xuất chế biến thực phẩm giảm 2,09%. Sản xuất đồ uống tăng 20,84%. Sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 84,04%. Dệt giảm 46,60%. Sản xuất trang phục tăng 35,35%. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 89,74%. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 6,42%. Sản xuất xe có động cơ tăng 26,62% so cùng kỳ năm trước.

VIII. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

1. Hoạt động thương mại nội địa

Dưới tác động của dịch Covid-19 diễn ra trong tháng 5 và tháng 6 năm 2021, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh thực hiện trong quý II năm 2021 đã giảm so thực hiện quý trước. Tháng 06, tình hình dịch bệnh diễn biến rất phức tạp, ở nhiều nơi. Ở phía Nam, dịch Covid-19 đã xuất hiện ở TP.HCM và một vài tỉnh lân cận với Bến Tre như Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Vĩnh Long ... Ở tỉnh Bến Tre tuy chưa phát hiện ca lây nhiễm ngoài cộng đồng nhưng công tác ngăn chặn dịch Covid-19 xâm nhập vào địa bàn được nhanh chóng thực hiện. Tỉnh Bến Tre thành lập bốn chốt kiểm soát dịch Covid -19 tại cầu Rạch Miễu, bến phà tạm Rạch Miễu, bến phà Đình Khao và cầu Cổ Chiên.

Ngoài ra, để đảm bảo công tác phòng chống dịch có hiệu quả, UBND tỉnh Bến Tre đã có công văn 2569/UBND-KGVX ngày 13/5/2021 về việc triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 chỉ đạo tạm dừng các loại hình hoạt động lễ hội, văn hóa văn nghệ, hạn chế tổ chức cưới hỏi, liên hoan và các hoạt động tham quan du lịch từ 0 giờ ngày 15/5/2021. Doanh thu bán lẻ hàng hóa quý II/2021 giảm so quý I nhưng vẫn đạt mức tăng trưởng khá tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó tăng mạnh ở nhóm phương tiện đi lại, (trừ ô tô con) tăng

39,86%, nhóm doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 33,38%; nhóm xăng dầu tăng 21,70% do các đợt điều chỉnh tăng giá bán, nhóm gỗ và vật liệu xây dựng cùng với nhóm lương thực thực phẩm đều tăng cao so với cùng kỳ.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 23.153,81 tỷ đồng, tăng 13,32% so cùng kỳ. Xét theo nhóm hàng hoá bán lẻ, trong 12 nhóm hàng hóa có 4 nhóm chiếm tỷ trọng cao: nhóm lương thực thực phẩm đạt 10.093 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 43,59%, tăng 15,49% so cùng kỳ; kế đến là nhóm gỗ và vật liệu xây dựng đạt 3.364 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14,52%, tăng 17,46% so cùng kỳ; nhóm xăng dầu các loại đạt 2.270,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 9,80%, tăng 7,14% so cùng kỳ, và tiếp đến là nhóm đá quý và kim loại quý đạt doanh thu 1.654,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,15%, tăng 24,96% so cùng kỳ, riêng các nhóm hàng còn lại doanh thu chiếm tỷ trọng nhỏ: nhóm hàng may mặc chiếm 3,5%; nhóm vật phẩm văn hóa giáo dục chiếm 0,75%; nhóm hàng hóa khác chiếm 3,6%, nhóm sửa chữa phương tiện đi lại chiếm 1,6%...

2. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ khác

Doanh thu của dịch vụ lưu trú, ăn uống quý II năm 2021 ước đạt 1.352,6 tỷ đồng, tăng 11,48% so cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 42,6 tỷ đồng, tăng 64,59%; doanh thu ăn uống đạt 1.309,9 tỷ đồng, tăng 10,32% so cùng. Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 874,8 tỷ đồng, tăng 18,36% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, tổng doanh thu lưu trú ăn uống đạt 2.931,8 tỷ đồng tăng 15,67% so cùng kỳ. Trong đó dịch vụ lưu trú là 92,3 tỷ, tăng 14,58%; hoạt động ăn uống là 2.839,5 tỷ đồng, tăng 15,71%. Doanh thu hoạt động dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 1.795,9 tỷ đồng, tăng 13,77% so với cùng kỳ năm trước.

3. Hoạt động du lịch

Công tác quản lý Nhà nước về du lịch luôn được quan tâm đặc biệt, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, cơ quan quản lý Nhà nước cũng đã kịp thời cập nhật các văn bản mới và chủ động thông tin các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho khách du lịch. Tình hình an ninh, trật tự ổn định, an toàn của du khách được đảm bảo, việc chấp hành các quy định của pháp luật về vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết, ... tại các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch được đảm bảo tốt

Tổ chức kiểm tra điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ cơ sở lưu trú du lịch, đồng thời khảo sát một số điểm du lịch mới trên địa bàn các huyện. Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19; hoàn chỉnh kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực du lịch năm 2021.

Tổng số lượt khách du lịch theo tour trong 6 tháng đầu năm ước đạt 22.640 lượt khách tăng 17,05% so cùng kỳ năm trước. Do vậy doanh thu từ du lịch lữ hành trong 6 tháng đầu năm ước đạt 22,6 tỷ đồng, tăng 15,49% so cùng kỳ

4. Vận tải

Dù chưa xảy ra ca dương tính với Covid-19 trong cộng đồng nhưng tỉnh Bến Tre đang triển khai quyết liệt công tác phòng chống dịch bệnh lây lan. Chính quyền và ngành chức năng địa phương tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nghiêm ngặt người và phương tiện đến địa bàn nhất là vùng có dịch bệnh. Trước đó, UBND tỉnh Bến Tre có quyết định tạm dừng hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe taxi có hành trình từ Bến Tre đi thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh có dịch trong cộng đồng. Đối với các xe di chuyển từ các vùng dịch khi đi ngang qua địa bàn tỉnh Bến Tre không được dừng đỗ. Người trên các phương tiện ngoài tỉnh về Bến Tre phải được kiểm tra, khai báo y tế. Riêng người từ vùng dịch về phải cách ly 14 ngày.

Vận chuyển hành khách: Vận chuyển hành khách trong quý II năm 2021 ước thực hiện 2,87 triệu hành khách, tăng 23,83% so cùng kỳ năm trước, luân chuyển ước đạt 200,8 triệu hành khách.km, tăng 26,24% so cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng đầu năm ước thực hiện 6,14 triệu lượt hành khách so với cùng kỳ tăng 9,47%, luân chuyển hành khách 442,7 triệu lượt hành khách.km tăng 9,50% so cùng kỳ, chia ra: vận chuyển đường bộ ước đạt 3,41 triệu lượt hành khách, tăng 8,02%, luân chuyển 439,7 triệu lượt hành khách.km tăng 9,49%; vận chuyển đường sông ước 2,73 triệu lượt hành khách, tăng 9,49%, luân chuyển 2,9 triệu lượt hành khách.km, tăng 10,37% so cùng kỳ.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng vận chuyển hàng hóa quý II ước thực hiện 1,32 nghìn tấn, so cùng kỳ tăng 5,82%; luân chuyển hàng hóa ước đạt 248,71 triệu tấn.km, tăng 6,54% so cùng năm trước. Vận chuyển hàng hóa 6 tháng đầu năm ước 2.763 nghìn tấn, so với cùng kỳ tăng 12,97%, luân chuyển hàng hóa ước 520,9 triệu tấn.km tăng 12,06% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: vận tải đường bộ 1.160 nghìn tấn, tăng 11,67%, luân chuyển ước đạt 258,4 triệu tấn.km, tăng 13,83%; vận tải đường sông 1.603 nghìn tấn tăng 13,93%, luân chuyển 262,5 triệu tấn.km, tăng 10,37% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu vận tải quý II ước đạt 514,6 tỷ đồng, so cùng kỳ tăng 21,33%, chia ra: vận tải hành khách ước đạt 255,6 tỷ đồng, tăng 27,19%; vận chuyển hàng hóa 190,9 tỷ đồng, tăng 21,61%, dịch vụ hỗ trợ vận tải 68,1 tỷ đồng, tăng 2,88% so cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm, ước đạt doanh thu 1.105,7 tỷ đồng, so cùng kỳ tăng 9,71%, gồm: doanh thu vận chuyển hành khách ước đạt 564,2 tỷ đồng tăng 9,91%; doanh thu vận tải hàng hóa 404,4 tỷ đồng, tăng 12,44%; hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 137,1 tỷ đồng tăng 1,71% so với cùng kỳ năm trước.

5. Hoạt động thông tin và truyền thông và bưu chính, viễn thông

a. Thông tin và truyền thông

Tập trung thực hiện tuyên truyền các chủ trương, chính sách trọng tâm của Đảng và Nhà nước. Tập trung thông tin tuyên truyền về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tuyên truyền chào mừng các ngày lễ lớn, những sự kiện chính trị nổi bật trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong tỉnh; tuyên truyền việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ

XIII; Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Tỉnh ủy năm 2021; Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị (khóa X), Chương trình “Đồng Khởi khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp” gắn với Chỉ thị số 01-CT/TU của BTV Tỉnh ủy về phát động phong trào thi đua “Đồng Khởi mới” giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030; tuyên truyền các hoạt động hướng đến bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; tuyên truyền Phương châm hành động của UBND tỉnh giai đoạn 2021-2026 “Chính quyền mạnh, trách nhiệm cao, sáng tạo, phục vụ nhân dân, đồng hành cùng doanh nghiệp”; Đề án chuyển đổi số tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030...

Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước mang lại hiệu quả thiết thực, đảm bảo được tính kết nối, liên thông. Tập trung thực hiện Nghị quyết số 01/TU về chuyển đổi số; có 12 đơn vị cấp tỉnh và 09 đơn vị cấp huyện đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi số; ngành Y tế và Giáo dục đang hoàn chỉnh lại kế hoạch với các nội dung, nguồn lực thực hiện cụ thể, đồng thời kết nối chặt chẽ với các chương trình chuyển đổi số của Bộ, ngành Trung ương để hoàn thành mục tiêu đã đề ra; ban hành Kế hoạch số 2140/KH-UBND về việc thực hiện thí điểm Chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre (02 huyện và 10 xã, phường).

b. Bưu chính, viễn thông

Bưu chính: Đến nay 100% các xã, phường, thị trấn đều có điểm phục vụ bưu chính; 100% xã có thư báo đến trong ngày, phát báo chí cho độc giả trước 7 giờ sáng tại trung tâm Thành phố và 8 giờ 30 tại các huyện. Sản lượng dịch vụ thư: 30.518 thư; sản lượng dịch vụ gói, kiện hàng hóa 67.475 kiện, tổng doanh thu bưu chính ước đạt 4,7 tỷ đồng.

Hoạt động viễn thông: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bến Tre có 07 doanh nghiệp viễn thông đang hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông bao gồm: Viễn thông Bến Tre (VNPT), Viễn thông Quân đội (Viettel), Viễn thông MobiFone, Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội (Vietnamobile), Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, Truyền hình cáp Việt Nam (VTV cab), Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV). Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Toàn Cầu (Gtel-Mobile) tạm dừng cung cấp dịch vụ ới 186 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông; 1.663.530 thuê bao điện thoại, mật độ sử dụng 129,95 thuê bao/100 dân; 137 đại lý internet, 850.887 thuê bao băng rộng di động với mật độ sử dụng 66 thuê bao/100 dân, 191.620 thuê bao băng rộng cố định với mật độ 14,8 thuê bao/100 dân. Tổng doanh thu viễn thông ước đạt 156,7 tỷ đồng.

IX. KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Hoạt động KH&CN đạt nhiều kết quả, một số nhiệm vụ trọng tâm cấp tỉnh có tính ứng dụng cao: Đã xây dựng quy trình nuôi, thu giống tự nhiên và cải thiện qui trình nuôi hàu thương phẩm từ các vật liệu và cấu trúc giá thể khác nhau nhằm ổn định nghề nuôi với tỷ suất lợi nhuận đạt 2,45 lần; Đánh giá hiện trạng, mức độ thiệt hại, sự tồn lưu của virus gây bệnh, xây dựng quy trình và đề xuất các giải pháp phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi một cách an toàn và hiệu quả;

Nghiên cứu thành công quy trình sản xuất, công thức sản phẩm, sản xuất 03 sản phẩm dầu gội, sữa tắm và sữa rửa mặt từ dầu dừa và đã chuyển giao cho Công ty TNHH Chế biến Dừa Cừu Long ứng dụng và thương mại hóa sản phẩm, góp phần nâng cao đa dạng hóa sản phẩm dừa tại địa phương. Xây dựng mô hình bưởi da xanh xen vườn dừa theo tiêu chuẩn hữu cơ - PGS, diện tích 5 ha, với 11 nông dân xã Tân Trung huyện Mộ Cày Nam tham gia chuỗi liên kết bưởi da xanh; nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất chả lụa có sử dụng phụ gia E281, E325 bảo quản với nồng độ lần lượt 2,25g/kg; 3,5g/kg. Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp quản lý công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông tỉnh Bến Tre. Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường khả năng thẩm thấu lợi ích của FDI. Các nhiệm vụ khoa học công nghệ được tập trung đẩy nhanh tiến độ. Cũng trong 6 tháng đầu năm, Bộ KH&CN phê duyệt 02 đề tài cấp quốc gia, bao gồm đề tài: “Nghiên cứu xây dựng hệ thống xử lý nước nhiễm mặn có ứng dụng IoT để cấp nước sinh hoạt cho người dân vùng bị xâm nhập mặn tỉnh Bến Tre và một số tỉnh lân cận” và “Nghiên cứu chế tạo đầu dò đo độ mặn bằng vật liệu Nano và tích hợp thành hệ thống cảnh báo xâm nhập mặn tự động ứng dụng tại Bến Tre và vùng phụ cận”. Đồng thời tỉnh hiện đang trình Bộ KH&CN xem xét 03 dự án và 01 dự án cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia. Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “CUA BIỂN BẾN TRE - BEN TRE SEA CRAB”; hướng dẫn sử dụng mẫu logo, tem, nhãn và dấu hiệu khác có chứa chỉ dẫn địa lý “CÁI MƠN” cho sản phẩm sàu riêng của tỉnh Bến Tre.

X. CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động, việc làm và đời sống dân cư

Đầu năm 2021, trong bối cảnh vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức bởi ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 và hạn mặn tại địa phương. Tuy nhiên, với việc định hướng và chủ động sớm trong công tác tham mưu, chính quyền địa phương đã chỉ đạo thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội đạt được một số kết quả bước đầu so với kế hoạch. Công tác phòng chống xâm nhập mặn được tập trung triển khai thực hiện; công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được tập trung chỉ đạo quyết liệt, các hoạt động văn hóa - xã hội và công tác đảm bảo an sinh được duy trì, phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được các cấp các ngành quan tâm; đặc biệt là công tác tổ chức và chăm lo cho các đối tượng chính sách, gia đình có công với cách mạng và các hộ gia đình nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán. Công tác cải cách hành chính và cải cách công vụ chuyển biến tích cực. Công tác xóa đói giảm nghèo, chăm lo cho các đối tượng chính sách tiếp tục được quan tâm. Trong kỳ, trên địa bàn tỉnh không xảy ra tình trạng thiếu đói.

Công tác quản lý lao động trong các doanh nghiệp được thực hiện khá tốt, giải quyết kịp thời các chế độ chính sách về tiền lương, BHXH, BHTN đối với người lao động trong các doanh nghiệp. Sáu tháng đầu năm, nhìn chung các doanh nghiệp đều trả lương cho người lao động bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu vùng; tỷ lệ lao động trong doanh nghiệp tham gia BHXH, BHTN đạt

69,99%, giảm 2,84% so cùng kỳ; tiếp nhận 6.266 hồ sơ đăng ký trợ cấp thất nghiệp, đã có 5.245 lao động nhận trợ cấp thất nghiệp, kinh phí 16,13 tỷ đồng.

Nhìn chung, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện chế độ tiền lương đối với người lao động đúng theo quy định, đảm bảo bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định. Cụ thể: Tiền lương bình quân trả cho người lao động làm việc tại các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước là 13,60 triệu đồng/người/tháng; các doanh nghiệp cổ phần, có vốn góp của nhà nước tiền lương bình quân trả cho người lao động là 7,45 triệu đồng/người/tháng; các doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tiền lương bình quân trả cho người lao động là 7,50 triệu đồng/người/tháng.

Kế hoạch thưởng tết cho người lao động năm 2021, được các doanh nghiệp quan tâm. Nhiều doanh nghiệp đưa ra mức thưởng bằng 1 tháng lương. Qua báo cáo khảo sát tại 128 doanh nghiệp, mức thưởng bình quân là 4,6 triệu đồng, cao hơn mức thưởng bình quân năm 2020 là 772.000 đồng (mức thưởng bình quân năm 2020 là 3.841.000 đồng). Mức tiền thưởng cao nhất năm 2021 ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 132,84 triệu đồng; kể đến là doanh nghiệp dân doanh, với mức thưởng cao nhất là 105 triệu đồng; công ty 100% vốn nhà nước là 20 triệu đồng; công ty cổ phần có vốn góp nhà nước 11 triệu đồng. Tiền thưởng cao nhất tập trung ở các chức danh lãnh đạo trong doanh nghiệp.

Tình hình lao động, việc làm: Tư vấn việc làm, nghề nghiệp và tuyên truyền người lao động đi làm việc ở nước ngoài 14.994 lượt người; tổ chức 19 phiên giao dịch việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Bến Tre vào thứ sáu hàng tuần, tổ chức mô hình cà-phê việc làm với 04 phiên tại các huyện và phiên trực tuyến kết nối 4 tỉnh. Kết quả, có 200 lượt doanh nghiệp và 1.873 lượt lao động tham gia. Trong sáu tháng đầu năm, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm 10.846 lao động, đạt 54,2% KH năm, tăng 18,96% so với cùng kỳ. Trong đó, có 367 lao động trúng tuyển đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 nên chỉ đưa được 255 người xuất cảnh, đạt 17% KH và giảm 47,5% so với cùng kỳ.

2. Công tác an sinh xã hội

Công tác giảm nghèo được triển khai với nhiều giải pháp đồng bộ, đạt nhiều kết quả. Ngày 15 tháng 5 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre phê duyệt hộ nghèo hộ cận nghèo đến cuối quý 1 năm 2021, toàn tỉnh Bến Tre có 14.218 hộ nghèo, tỷ lệ 3,58%, trong đó hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập là 10.481 hộ, hộ nghèo thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản là 3.737 hộ. Tổng số nhân khẩu hộ nghèo là 41.493 người, trong đó nhân khẩu hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập là 29.785 người, nhân khẩu hộ nghèo thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản là 11.708 người.

Ngành chức năng tập trung huy động nguồn lực và triển khai thực hiện các dự án chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, an sinh xã hội bền vững năm 2021. Trong đó, đã tham mưu triển khai Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2021; hỗ trợ mua 100% mệnh giá thẻ BHYT cho

người nghèo và người dân tại các xã bãi ngang ven biển; Ngân hàng Chính sách Xã hội đã hỗ trợ 13.850 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo để phát triển sản xuất, cải thiện sinh kế, nước sạch, vệ sinh môi trường.v.v.. hỗ trợ tiền điện cho 1.460 hộ chính sách xã hội; hỗ trợ 100 hộ nghèo khó khăn nhà ở do Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương tài trợ; trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu, toàn tỉnh đã trao tặng 67.906 suất quà tặng hộ nghèo, hộ cận nghèo, trị giá 23,4 tỷ đồng, nhìn chung 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đều có quà tết, kinh phí chủ yếu từ xã hội hóa.

Công tác bảo trợ xã hội: Giải quyết trợ cấp mới 1.827 trường hợp bảo trợ xã hội, nâng tổng số đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng lên 57.462 trường hợp, kinh phí trên 16 tỷ đồng/tháng; các cơ sở bảo trợ xã hội công lập thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc 525 đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó: có 210 trẻ em mồ côi bị bỏ rơi, 62 người cao tuổi, 201 người bệnh tâm thần; tổ chức thăm và trao thiệp mừng thọ của Chủ tịch nước cho 98 người tròn 100 tuổi nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021; tổ chức Hội nghị tổng kết 03 năm thực hiện công tác chi trả chính sách trợ giúp xã hội qua hệ thống Bưu điện và triển khai phương án tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

Công tác phòng chống tệ nạn xã hội: Tỉnh đã xây dựng và triển khai kế hoạch công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện; công tác phòng, chống mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán năm 2021; tổ chức Hội nghị tổng kết triển khai thí điểm 04 Điểm cai nghiện ma túy cộng đồng; xây dựng kế hoạch tổ chức cai nghiện ma túy tại các Điểm cai nghiện ma túy tại cộng đồng giai đoạn 2021-2025; tình hình quản lý học viên tại Cơ sở Cai nghiện ma túy ổn định, đảm bảo thực hiện tốt công tác an ninh trật tự và phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại cơ sở, thực hiện tốt công tác tư vấn cá nhân, tư vấn nhóm, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, lao động sản xuất cho học viên, thu hoạch 5.481 kg rau xanh, đan ghê thành phẩm 8.107 cái. Hiện cơ sở Cai nghiện ma túy đang quản lý 291 học viên, trong đó có 230 học viên cai nghiện bắt buộc, 60 học viên cai nghiện tự nguyện và 01 học viên đang chờ Tòa án làm thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Chính sách người có công: Công tác chăm lo đời sống người có công với cách mạng được tập trung thực hiện, giải quyết đúng, đủ, kịp thời trợ cấp ưu đãi hàng tháng 20.671 người có công với cách mạng, kinh phí trên 37,8 tỷ đồng/tháng; tiếp nhận mới và giải quyết 1.075 hồ sơ đề nghị hưởng chính sách người có công; xây dựng Đề án chi trả trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng qua hệ thống Bưu điện; thực hiện chế độ điều dưỡng tại gia đình 4.347 người có công; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, thăm, tặng 70.347 suất quà cho gia đình chính sách người có công với cách mạng, kinh phí trên 22,3 tỷ đồng; vận động các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh hỗ trợ xây dựng 199 căn nhà tình nghĩa cho người có công khó khăn về nhà ở, kinh phí trên 12,15 tỷ đồng; các nghĩa trang liệt sĩ trong toàn tỉnh đều đảm bảo trang nghiêm, sạch sẽ phục vụ tốt cho các cấp, các ngành và thân nhân đến thấp hương, tưởng niệm liệt sĩ trong các dịp lễ, tết; hỗ trợ an táng 02 trường hợp từ trần, tiếp nhận 13 hài cốt liệt sĩ vào nghĩa trang liệt sĩ; tham gia Ban chỉ đạo 515 tinh cất bốc và cải táng 05 hài cốt liệt sĩ.

Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi và bình đẳng giới: Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em: Đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2030; ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em; tổ chức 18 lớp tập huấn, truyền thông về kỹ năng phòng ngừa nguy cơ, tự bảo vệ cho trẻ em là học sinh Tiểu học, THCS tại các huyện, có 1.800 học sinh tham dự; vận động xã hội hóa trên 1,36 tỷ đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho 268 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tỉnh Bến Tre, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2021; tổ chức 12 lớp tập huấn, truyền thông chính sách pháp luật về bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh THCS trên địa bàn tỉnh, có 1.380 học sinh tham dự.

3. Giáo dục nghề nghiệp

Tổ chức Ngày hội tư vấn tuyển sinh năm 2021 tại tất cả các huyện, thành phố, có trên 3.000 học sinh tham dự; xây dựng và phát hành 18.000 tờ thông tin tuyên truyền giáo dục nghề nghiệp. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tuyển sinh và đào tạo 1.003 người, đạt 9,12% KH năm, giảm 4,51% so với cùng kỳ. Trong đó, cao đẳng là 116 người, trung cấp là 139 người, sơ cấp và đào tạo thường xuyên 784 người. Hiện các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang tiếp tục triển khai các hoạt động tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp học sinh các Trường THCS, THPT. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh tiếp tục liên kết với các Trường có uy tín tại Thành phố Hồ Chí Minh để đào tạo học sinh hệ trung cấp. Đồng thời, đưa học sinh đến thực tập, thực hành tại doanh nghiệp và giải quyết việc làm sau đào tạo.

4. Giáo dục, đào tạo

Quy mô mạng lưới trường, lớp, học sinh được duy trì ổn định. Các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2020-2021. Chất lượng giáo dục từng bước nâng lên, tỷ lệ học sinh khá giỏi tăng ở các cấp học, cụ thể: Kết quả xếp loại học kỳ I năm học 2020-2021: Cấp THCS: học lực khá, giỏi chiếm tỷ lệ 67,91% (tăng 3,52%), trung bình 25,11% (giảm 2,41%), yếu kém 6,99% (giảm 0,93%); Cấp THPT: học lực khá, giỏi chiếm tỷ lệ 68,68% (tăng 4,99%), trung bình 27,42% (giảm 3,69%), yếu kém 3,9% (giảm 1,31%) so với cùng kỳ. Tỷ lệ học sinh bỏ học được duy trì ở mức thấp: Cấp tiểu học không có học sinh bỏ học; THCS 0,23% (tương đương); THPT 0,4% (giảm 0,51%); TTGDNN-GDTX 2,7% (giảm 0,33%) so với cùng kỳ. Phổ cập giáo dục (PCGD) các cấp tiếp tục được duy trì và phát triển: Tỉnh có 9/9 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3, đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 và đạt chuẩn XMC mức độ 2; huyện Mỏ Cày Nam và Thành phố Bến Tre đạt chuẩn PCGD trung học. Kết quả thi học sinh giỏi Quốc gia năm học 2020-2021 Bến Tre đạt 11 giải (trong đó đạt 03 giải nhì, 04 giải ba). Số trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia tiếp tục duy trì và phát triển:

Toàn tỉnh hiện có 216 trường đạt chuẩn quốc gia, gồm 46 trường mầm non, tỷ lệ 25,27%; 93 trường tiểu học, tỷ lệ 49,21%; 66 trường THCS, tỷ lệ 50,77%; 11 trường THPT, tỷ lệ 31,43%.

Công tác xã hội hóa phát triển giáo dục mầm non tiếp tục được duy trì, toàn tỉnh hiện có 20 trường mầm non, mẫu giáo ngoài công lập với 77 nhóm trẻ tư thục độc lập/6.330 trẻ. Đề án thành lập Trường đại học tại Bến Tre là thành viên của Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh được tập trung triển khai xây dựng: Tổ công tác xây dựng Đề án thành lập Trường đang xây dựng dự thảo Đề án, dự kiến hoàn thành trước ngày 30/6/2021 để trình Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm trình xin chủ trương của Thủ tướng Chính phủ. Cơ bản hoàn thành Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Bến Tre giai đoạn 2021-2030. Công tác phòng chống dịch Covid-19 tại các trường học được thực hiện hiệu quả và tuân thủ đúng quy định.

5. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Các cơ sở y tế tiếp tục thực hiện tốt chuyên môn trong khám và điều trị bệnh. Bên cạnh đó ngành y tế cũng đã chủ động trong việc triển khai phòng chống dịch bệnh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Tình hình các loại bệnh vẫn diễn ra rải rác tại một số địa phương. Cụ thể, tình hình một số loại bệnh được ghi nhận từ đầu năm đến hết ngày 14/6/2021 như sau:

Sốt xuất huyết: Ghi nhận 276 ca mắc tại 9 huyện/thành phố (trong đó có 13 ca SXH nặng), tử vong 0; so cùng kỳ 2020: số mắc giảm 205 ca, SXH nặng tăng 03 ca.

Hội chứng Chân – tay - miệng: Ghi nhận 663 ca mắc tại 9 huyện/thành phố, 0 tử vong; so cùng kỳ 2020: số mắc tăng 519 ca.

Thủy đậu: Ghi nhận 159 ca mắc tại 9 huyện/thành phố; so cùng kỳ 2020: số mắc tăng 47 ca.

Quai bị: Ghi nhận 29 ca mắc tại 8 huyện/thành phố; so cùng kỳ 2020: số mắc giảm 88 ca.

Sốt phát ban nghi sởi, rubella: Ghi nhận 07 ca mắc tại 03 huyện. So cùng kỳ 2020 giảm 09 ca.

Viêm não vi rút khác: Ghi nhận 02 ca mắc, so cùng kỳ 2020 giảm 05 ca.

Liên cầu lợn: Ghi nhận 04 ca mắc tại 4 huyện, so cùng kỳ 2020 tăng 4 ca.

Dại: Ghi nhận 05 ca mắc và tử vong tại huyện Giồng Trôm và Mỏ Cày Nam, so cùng kỳ năm trước tăng 05 ca

Tình hình nhiễm HIV/AIDS: Tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh ghi nhận 146 ca nhiễm HIV (giảm 14 ca so cùng kỳ 2020), 28 ca AIDS (tăng 03 ca so cùng kỳ 2020), tử vong 22 ca (tăng 01 ca so cùng kỳ 2020). Toàn tỉnh có 157 xã/phường/thị trấn có người nhiễm HIV. Lũy kế từ năm 1993 đến nay toàn tỉnh có số nhiễm HIV là 4.828 ca, chuyển AIDS 1.999 ca, tử vong 1.279 ca.

Tình hình dịch Covid -19 (Tính từ ngày 01/01/2021 đến 14/6/2021): ghi nhận số trường hợp cách ly là 8.377, trong đó 2.341 trường hợp đã chấm dứt thời gian cách ly, 6.036 trường hợp hiện đang cách ly (cách ly y tế tại cơ sở y tế: 26 trường hợp, cách ly y tế tập trung: 294 trường hợp, cách ly y tế tại nhà, nơi cư trú: 5.716). Tổng số trường hợp cách ly được lấy mẫu xét nghiệm có kết quả:

881 trường hợp, trong đó có kết quả dương tính là 19 trường hợp (được điều trị và đã được xuất viện); âm tính: 862 trường hợp.

Hoạt động Y tế dự phòng

Hoạt động phòng chống dịch Covid-19:

Triển khai thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 tại Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Duy trì trạng thái phòng, chống dịch bệnh theo cấp độ 2, sẵn sàng ứng phó với dịch bệnh theo cấp độ 3 (Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh); duy trì công tác, phát hiện, giám sát, theo dõi sức khỏe những người đến từ vùng dịch, các nước có dịch, các trường hợp tiếp xúc gần, thông tin liên tục các ca nghi nhiễm, các ca mắc mới; tiếp tục theo dõi sát tình hình sức khỏe các trường hợp đang cách ly.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện phòng, chống và đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch Covid - 19 tại nơi làm việc theo Quyết định số 2194/QĐ-BCĐQG ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống Covid-19 về việc ban hành “Hướng dẫn phòng, chống và đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch Covid -19 tại nơi làm việc và ký túc xá cho người lao động”; truyền thông thực hiện thông điệp 5K của Bộ Y tế (Khẩu trang – Khử khuẩn – Khoảng cách – Không tập trung – Khai báo y tế).

Tại các bệnh viện tổ chức phân luồng, giãn cách giường bệnh (2m) và thực hiện 1 người nuôi bệnh/1 bệnh nhân; thực hiện cấp thuốc điều trị ngoại trú tối đa 02 tháng đối với các trường hợp người cao tuổi mắc bệnh mãn tính, bệnh điều trị dài ngày trong thời gian chống dịch Covid -19; triển khai thực hiện Quyết định số 963/QĐ-BYT Hướng dẫn tạm thời giám sát, phòng chống và tăng cường phòng kiểm soát lây nhiễm Covid -19 cho nhân viên y tế; triển khai áp dụng 9 quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong phòng chống dịch Covid -19; thiết lập đường dây nóng phòng, chống dịch Covid-19 của bệnh viện để các cơ quan, cá nhân bên ngoài có thể mau chóng liên lạc, thuận tiện cho việc phòng, chống dịch.

Trung tâm y tế các huyện/thành phố, Trạm y tế xã/phường/thị trấn triển khai thực hiện báo cáo trên phần mềm trực tuyến Bộ tiêu chí Phòng khám an toàn phòng chống dịch Covid -19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật phản hồi thông tin các trường hợp đã hết thời gian cách ly tập trung tại các tỉnh khác cho Trung tâm Y tế huyện/thành phố; Trung tâm Y tế huyện/thành phố tiếp tục theo dõi, xác minh người nhập cảnh và các trường hợp đã hết thời gian cách ly tập trung về địa phương.

Phối hợp cùng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh xây dựng kế hoạch giám sát việc phòng, chống và đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch Covid -19 tại nơi làm việc theo Quyết định số 2194/QĐ-BCĐQG ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống Covid-19. Phối hợp lấy mẫu và xét nghiệm các trường hợp người về từ vùng dịch, công dân về cách ly tại Trung đoàn 895.

Tập huấn hướng dẫn triển khai tiêm chủng vắc xin phòng Covid -19 cho cán bộ y tế các điểm tiêm chủng ở bệnh viện, bệnh xá quân y, bệnh xá công an,

Trung tâm Y tế, Trạm Y tế; thực hiện tiêm vắc xin ngừa Covid -19 cho cán bộ nhân viên tại Trung tâm CDC. Giám sát công tác: triển khai trước tiêm vắc xin COVID-19 tại các huyện; tiêm vắc xin Covid -19 tại huyện Giồng Trôm, Ba Tri, Châu Thành, Bệnh viện Minh Đức và BV Nguyễn Đình Chiểu. Công tác triển khai tiêm chủng vắc xin phòng Covid -19 cho đối tượng ưu tiên đạt 7.000 người.

Các dự án thuộc Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số đã triển khai thực hiện:

Tiêm chủng mở rộng: Duy trì triển khai thực hiện tại các cơ sở y tế (Trạm Y tế xã), số trẻ em <1 tuổi được tiêm đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 47,5% so kế hoạch năm 2021 ($\geq 95\%$).

Phòng chống bệnh sốt rét: Giám sát hoạt động phòng chống sốt rét sau loại trừ sốt rét tại các huyện.

Phòng chống bệnh sốt xuất huyết: Tiếp tục điều tra muỗi SXH, khảo sát côn trùng SXH thường xuyên và hỗ trợ giám sát chống dịch, khảo sát lăng quăng tại các huyện.

Ngộ độc thực phẩm: trong kỳ báo cáo không xảy ra.

Chăm sóc sức khỏe sinh sản: tỷ lệ phụ nữ sinh được quản lý thai và được cán bộ y tế hỗ trợ đạt 99,98%, giảm 0,02% so cùng kỳ 2020; Tỷ lệ phụ nữ sinh được khám thai 4 lần/3 thời kỳ đạt 98,69% (tăng 1,27% so cùng kỳ 2020); Tỷ lệ mắc tai biến sản khoa/phụ nữ sinh là 0,43% (26 ca), so cùng kỳ 2020 tăng 0,01% (22 ca); Tỷ số phá thai an toàn/100 trẻ sinh ra sống 14,71% (chỉ tiêu 2020: <25), giảm 2,31% so cùng kỳ 2020; không có tử vong mẹ (tương ứng so cùng kỳ 2020).

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: Ước số trẻ sơ sinh được cân trong 6 tháng đầu năm 2021 là 5.970 trẻ, trong đó có 155 trẻ cân nặng <2.500 gr, chiếm 2,6%. Tổng số trẻ em từ 0-5 tuổi là 71.572 trẻ, trong đó: 5.714 trẻ suy dinh dưỡng về cân nặng và có 4.807 trẻ suy dinh dưỡng về chiều cao.

Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm: được ngành chức năng quan tâm và chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Sở Y tế kết hợp với các ngành liên quan thường xuyên thực hiện kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, hàng ăn uống; tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của các cơ sở sản xuất cũng như người dân về vệ sinh an toàn thực phẩm. Trong 6 tháng đầu năm, ngành chức năng đã tổ chức tập huấn phổ biến cũng như tuyên truyền các quy định, các văn bản pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cán bộ quản lý và chủ cơ sở. Thực hiện thanh kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tại: 1.668 cơ sở sản xuất chế biến thực phẩm, cơ sở kinh doanh tiêu dùng – dịch vụ ăn uống – bếp ăn tập thể, trong đó có 189 cơ sở không đạt: nhắc nhở 178 cơ sở, phạt tiền 11 cơ sở 105 triệu đồng (không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; không có hợp đồng cung cấp thực phẩm; khu vực sản xuất chế biến thực phẩm không đảm bảo điều kiện vệ sinh; người trực tiếp tiếp xúc thực phẩm không đội mũ, đeo khẩu trang); 1.184 hộ kinh doanh thức ăn đường phố, trong đó có 200 hộ không đạt (nhắc nhở). Ngoài ra thực hiện test nhanh mẫu thực phẩm tại các cơ sở dịch vụ ăn uống trên địa bàn tỉnh: phẩm màu đạt

65/68 mẫu, dầu mỡ ôi khét đạt 76/76 mẫu, độ sạch bát đĩa đạt 118/120 mẫu, hàn the đạt 121/124 mẫu (các mẫu không đạt nhắc nhở).

Công tác khám chữa bệnh: so cùng kỳ 2020, tổng số lần khám bệnh trong toàn tỉnh giảm 13,9%, số bệnh nhân chuyển viện tăng 11%, số bệnh nhân điều trị nội trú tăng 11%; số bệnh nhân điều trị ngoại trú tăng 3,5%; số ngày điều trị nội trú tăng 23,5%; công suất sử dụng giường bệnh chung toàn tỉnh bình quân 73,3% tăng 14,3%; tử vong 53 ca tăng 0,01% (tương ứng tăng 07 ca) so cùng kỳ 2020. Tại BVĐK tư nhân Minh Đức có tổng số lần khám bệnh tăng 5%, số bệnh nhân điều trị nội trú tăng 2%, số bệnh nhân chuyển viện giảm 4%; số ngày điều trị nội trú tăng 1%, công suất sử dụng giường bệnh tăng 1%. Việc thanh toán chi phí khám chữa bệnh không dùng tiền mặt vẫn còn hạn chế số lượng người sử dụng là do thói quen; chưa triển khai thí điểm bệnh án điện tử do chưa có các gói cập nhật hỗ trợ triển khai ở hạ tầng phần cứng và chức năng của phần mềm.

Mạng lưới y tế cơ sở từng bước được củng cố và hoàn thiện, công tác vận động người dân tham gia BHYT được tăng cường, tạo được sự chuyển biến về nhận thức trong cộng đồng dân cư. Tính đến thời điểm báo cáo 100% xã có bác sĩ; 100% số xã có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh, 91,72% trạm y tế có cán bộ YHCT, 100% ấp có nhân viên y tế hoạt động, 100% Trạm Y tế đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất.

6. Hoạt động văn hóa, thể thao

Triển khai kế hoạch tổ chức cuộc thi “Tượng đài Đội quân tóc dài” và “Tượng Má Ké” năm 2021; họp Hội đồng nghệ thuật tỉnh thông qua hình thức câu đối trong đền thờ của Khu lưu niệm Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc tại di tích Chùa Tuyên Linh; Công trình “Bia lưu niệm Đơn vị Giao bưu vận - Thông tin huyện Ba Tri”. Tổ chức trưng bày, triển lãm “Ảnh Bến Tre xưa” tại khuôn viên sân trước Bảo tàng, phục dựng tiểu cảnh ruộng lúa, tiểu cảnh sông nước xứ Dừa trên cơ sở chất liệu dừa hiện hữu nhằm thể hiện nội dung quảng bá về du lịch Bến Tre “Du lịch sinh thái sông nước Xứ Dừa - An toàn, thân thiện, chất lượng”; “Tiền qua các triều đại phong kiến và Gốm Nam bộ” tại phòng chuyên đề Thành tựu kinh tế - xã hội tỉnh; tư liệu về Quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, về 53 dân tộc Việt Nam và “Tranh vẽ ngược trên kính về Bác Hồ” của Họa sĩ Đoàn Việt Tiến. Thiết kế album ảnh trưng bày cuộc đời và sự nghiệp Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ. Các đơn vị Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, Thư viện Nguyễn Đình Chiểu, Bảo tàng tỉnh phối hợp tổ chức chương trình “Hành trình Văn hóa” tại Trường Tiểu học Hưng Nhượng (huyện Giồng Trôm), Trường Năng khiếu Thể dục thể thao với 764 tài liệu, phục vụ trên 1.600 học sinh; chương trình “Góp tri thức dệt mùa xuân” tại Không gian sách cộng đồng xã Mỹ Thạnh (huyện Ba Tri); Hội thi Câu chuyện truyền thanh và Sách nói tỉnh Bến Tre năm 2021; Cuộc thi trưng bày và xếp sách nghệ thuật chào mừng bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc: Bảo tàng tỉnh và các di tích phục vụ 648 đoàn khách trong, ngoài tỉnh với trên 46.930 lượt khách tham quan.

Lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng 03 di tích cấp tỉnh. Tiếp tục hoàn chỉnh đề cương trưng bày và sưu tầm hiện vật các di tích theo kế hoạch. Hoàn chỉnh nội dung triển lãm ảnh “Một thoáng Bến Tre xưa”. Chuẩn bị phối hợp với Trung tâm Bảo tồn Di tích Quốc gia Côn Đảo triển lãm chuyên đề “Côn Đảo điểm đến Văn hóa - Du lịch”.

Nghệ thuật biểu diễn: Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh đã xây dựng 15 chương trình, tổ chức 20 cuộc biểu diễn văn nghệ, phục vụ trên 8.100 lượt người xem. Ngoài ra, đơn vị đã tổ chức 05 cuộc thi, liên hoan cấp tỉnh. Đoàn Nghệ thuật Cải lương Bến Tre tổ chức 18 buổi biểu diễn trên địa bàn các huyện, thành phố với 10.800 lượt người xem; dàn dựng 02 tiểu phẩm cải lương tuyên truyền phòng chống Covid-19 và bầu cử Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thu hút trên 3.000 lượt người xem và tương tác. Các câu lạc bộ, đội, nhóm trực thuộc Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh duy trì tổ chức sinh hoạt lệ kỳ và tổ chức giao lưu văn hóa, văn nghệ cho các câu lạc bộ trực thuộc.

Thư viện: Ngoài việc phục vụ bạn đọc theo yêu cầu thường xuyên tại chỗ, đơn vị Thư viện Nguyễn Đình Chiểu còn trưng bày phục vụ báo, tạp chí nhân dịp Xuân Tân Sửu năm 2021; Phối hợp tổ chức hoạt động chào mừng Ngày sách Việt Nam lần thứ 8 năm 2021 và Hưởng ứng Đường sách xứ Dừa chủ đề “Sách và công nghệ, Ngày hội “Future skills for future jobs” và đào tạo Đại sứ văn hóa đọc tỉnh Bến Tre năm 2021; truyền thông về các hoạt động trên trang Fanpage và Website; chương trình đối thoại “Trí thức trẻ và Khát vọng Xứ dừa”; mô hình “Cà phê sách”; đồng hành cùng chương trình “Em làm người nông dân”; đăng tải bài viết giới thiệu về quyền sách “Trương Vĩnh Trọng - Người con quê hương Đồng Khởi”; bàn giao sách Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2020. Thư viện các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác luân chuyển sách cho thư viện xã, phòng đọc sách, tủ sách văn hóa, tủ sách pháp luật...

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” Toàn tỉnh có 60/142 xã nông thôn đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới (công nhận mới 01 xã Tân Bình (huyện Mỏ Cày Bắc). 8/8 phường đạt chuẩn văn minh đô thị; 01 thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị. Có 363.182 hộ đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” (đạt 94,62%). 268.414 hộ được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa đạt chuẩn 3 năm liên tục (2018 – 2020) (đạt 82,3%). 952/968 khu dân cư đạt danh hiệu “Áp, Khu phố văn hóa” (đạt 98,34%). Công nhận 291 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” theo quy định mới.

Lĩnh vực Gia đình: Triển khai các hoạt động hưởng ứng “Tháng hành động vì Bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2021 theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân tỉnh; xây dựng công tác gia đình, kế hoạch Nhân rộng mô hình hỗ trợ bảo vệ và đảm bảo an toàn cho nạn nhân bạo lực gia đình và kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Hạnh phúc (20/3); phối hợp tham mưu Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 29/01/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng con người Bến Tre phát triển toàn diện, gia đình hạnh phúc tiến bộ, xây dựng nội dung Bộ tiêu chí ứng xử gia đình hạnh phúc tiến bộ; phối hợp các ngành, đơn vị

có liên quan đẩy mạnh hoạt động truyền thông giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam, công tác gia đình và phòng chống bạo lực gia đình.

Hoạt động thể dục thể thao (TDTT) quần chúng: Tham mưu quản lý, kiện toàn tổ chức 07 hội, liên đoàn thể thao (kiện toàn Liên đoàn Vovinam và Liên đoàn Võ thuật Cổ truyền); mở lớp bồi dưỡng Hướng dẫn viên môn Bơi có 118 học viên được cấp giấy chứng nhận; hướng dẫn quản lý các hoạt động kinh doanh thể thao tại các điểm vui chơi, giải trí, khu du lịch, khu văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh..

Thể thao thành tích cao: Định hướng công tác đào tạo, thực hiện nhiệm vụ huấn luyện ngắn hạn, dài hạn đối với vận động viên các tuyển hướng đến mục tiêu tham dự Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc Khu vực V-2021; chuẩn bị tham dự Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022. Phối hợp các đơn vị tham mưu các chế độ chính sách và công tác quản lý sử dụng huấn luyện viên, vận động viên. Tham dự 07 giải thể thao khu vực, toàn quốc đạt 20 huy chương (08 HCV, 08 HCB, 04 HCD).

Tổ chức và hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu: Tổ chức Giải xe đạp Bến Tre mở rộng năm 2021; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Bến Tre năm 2021. Hỗ trợ tham dự và cử đội tham dự các giải phong trào cấp khu vực và toàn quốc.

Đề án phổ cập bơi: Tổ chức Hội nghị tổng kết và triển khai Đề án phổ cập bơi phòng, chống đuối nước cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025. Theo dõi, giám sát, kiểm tra cấp Giấy chứng nhận Phổ cập.

7. Tình hình an ninh trật tự và tai nạn giao thông

a. Tình hình an ninh trật tự

Theo nguồn số liệu từ công an tỉnh, tình hình an ninh trật tự trong 6 tháng đầu năm như sau:

Phạm pháp hình sự: Toàn tỉnh phát hiện 359 vụ phạm pháp hình sự, làm chết 13 người, bị thương 56 người, tài sản thiệt hại là 14.196,2 triệu đồng. So với lũy kế cùng thời điểm năm 2020, giảm 12 vụ, tăng 08 người chết, số người bị thương tăng 17 người và tài sản thiệt hại giảm 5.409 triệu đồng.

Tệ nạn xã hội và vi phạm hành chính: Toàn tỉnh phát hiện 410 vụ, tăng 198 vụ so cùng kỳ năm trước. Các loại tệ nạn chủ yếu là đánh bạc; sử dụng trái phép chất ma túy, trộm cắp vật...

b. Tai nạn giao thông

Tai nạn giao thông đường bộ: Trong 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh xảy ra 84 vụ, làm 72 người chết và 27 người bị thương, so với cùng kỳ năm trước giảm 18 vụ, giảm 11 người chết, giảm 18 người bị thương.

Tai nạn giao thông đường thủy: Không phát sinh.

c. Tai nạn khác

Toàn tỉnh xảy ra 24 vụ (16 vụ đuối nước, 7 vụ điện giật và 01 vụ tai nạn khác) làm chết 24 người, nguyên nhân chủ yếu là do bất cẩn.

Nhìn chung, qua 6 tháng đầu năm, số vụ phạm pháp hình sự được kéo giảm nhưng số người chết và người bị thương lại tăng so cùng kỳ, tệ nạn xã hội, vi phạm hành chính tăng, tuy không gây thiệt hại về người, nhưng tệ nạn xã hội

diễn ra khá phổ biến, nhất là ở vùng nông thôn. Tệ nạn xã hội nhiều nhất là đánh bạc, sử dụng trái phép chất ma túy, nhậu say cà quấy... làm cho xã hội bất an, người dân sống trong cảnh phập phồng lo sợ. Không chỉ là thế, trong xã hội ngày càng phát triển về công nghệ, tệ nạn xã hội xảy ra càng tin vi hơn, làm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống vật chất và tinh thần của một số người dân, nguy hiểm hơn là các phần tử xấu tìm mọi cách để lôi kéo thế hệ trẻ như học sinh, sinh viên lâm vào con đường nghiện ngập... .

Bên cạnh đó tình hình trật tự an toàn giao thông đường bộ mặc dù được kéo giảm cả 3 mặt nhưng nhìn chung vẫn còn diễn biến phức tạp, nguyên nhân chủ yếu là do lỗi chủ quan của người tham gia giao thông, do ý thức chấp hành pháp luật của một số bộ phận người tham gia giao thông còn kém, làm cho tình trạng vi phạm về trật tự, an toàn giao thông phổ biến. Với các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông được triển khai khá quyết liệt như: tăng cường tuần tra kiểm soát trên các tuyến đường thường xuyên xảy ra tai nạn giao thông, tiến hành đo nồng độ cồn theo kinh nghiệm quốc tế... Ngoài ra, lực lượng chức năng tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, mở các đợt cao điểm xử lý các vi phạm về chạy quá tốc độ quy định, tuyên truyền đến nhân dân về luật an toàn giao thông đường bộ.

8. Thiệt hại do thiên tai

Ảnh hưởng và thiệt hại do triều cường, mưa, giông

Ngày 15/4 tại xã Thạnh Phong huyện Thạnh Phú xuất hiện 01 cơn giông lốc làm sập hoàn toàn 6 căn nhà, 14 căn nhà bị tốc mái, 1 trụ sở ấp bị tốc mái, một trường tiểu học bị tróc góc cây cồng và cột cờ, ước thiệt hại khoảng 200 triệu đồng. Hiện UBND xã Thạnh Phong đang thống nhất với các cơ quan có chức năng để có phương án hỗ trợ.

Vào các ngày 02, 03 và 15/4 trên địa bàn huyện Ba Tri, Bình Đại xảy ra những cơn mưa trái mùa trên diện rộng làm thiệt hại khoảng 1.200 ha muối với trên 3.900 tấn muối ở 2 huyện Bình Đại và Ba Tri ước thiệt hại khoảng 2.786 triệu đồng.

Ngày 25/5/2021 xảy ra cơn lốc xoáy tại xã Vĩnh Bình huyện Chợ Lách làm tốc mái 1 căn nhà ước thiệt hại khoảng 6 triệu đồng. Làm gãy đổ khoảng 6.000 m² nhãn xuống, 5.000 m² mít của 9 hộ dân ước giá trị thiệt hại khoảng 900 triệu đồng.

8. Tình hình cháy nổ và bảo vệ môi trường

Trong 6 tháng đầu năm 2021, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 05 vụ cháy, không thiệt hại về người, thiệt hại tài sản khoảng 2.660 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu xảy ra cháy là do chập điện, bất cẩn trong sử dụng chất đốt gây thiệt hại về nhà ở của dân.

XII. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP

Bên cạnh kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội trong những tháng đầu năm 2021 còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, một số vấn đề quan trọng

như sau: Do ảnh hưởng của dịch Covid-19: Hoạt động sản xuất và xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp chưa có sự phục hồi đáng kể; giá nông sản giảm mạnh, thị trường không ổn định; người dân hạn chế mua sắm, sức mua tăng chậm. Một số các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa xã hội phải tạm dừng hoặc thay đổi phương thức tổ chức để phù hợp với tình hình thực tế nên tiến độ thực hiện chậm; hoạt động du lịch vẫn chưa phục hồi đáng kể do dịch Covid-19. Một số hệ thống công trình thủy lợi còn đang trong giai đoạn đầu tư, chưa được khép kín và đồng bộ nên việc chủ động tưới tiêu một số khu vực còn khó khăn, nhất là ngăn mặn trữ ngọt trong mùa khô hạn. Các công trình đường dây truyền tải điện chậm tiến độ do gặp khó khăn trong giải phóng mặt bằng. Việc thực hiện hỗ trợ cho hộ nghèo có thành viên thuộc diện chính sách, người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh còn chậm, do những hộ còn lại chủ yếu là hộ thuộc diện bảo trợ xã hội, không có khả năng tự vươn lên thoát nghèo. Ý thức phòng bệnh của một bộ phận người dân còn hạn chế làm gia tăng nguy cơ mắc và bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm, nhất là dịch Covid-19. Phạm pháp hình sự mặc dù giảm về số vụ nhưng số người chết và bị thương tăng; tệ nạn xã hội tăng mạnh, nhất là đánh bạc và sử dụng trái phép chất ma túy. Các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước trên không gian mạng còn tiếp diễn. Để quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp tập trung quyết liệt, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra ngay từ đầu năm và tập trung triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp bổ sung như sau:

- Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19; đảm bảo “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình hiện nay. Ưu tiên nguồn kinh phí cho công tác phòng, chống dịch; bảo đảm đầy đủ, kịp thời lực lượng, vật chất, phương tiện cho công tác phòng, chống dịch tại khu vực cách ly, các bệnh viện; thực hiện tốt các phương án phòng, chống dịch tại các khu, cụm công nghiệp và trường học; chủ động đăng ký tìm nguồn vắc xin, tích cực vận động tài trợ kinh phí mua vắc xin và tổ chức tiêm ngừa đảm bảo an toàn, chặt chẽ.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; thực hiện các chính sách hỗ trợ tín dụng, qui trình thủ tục nhanh gọn, giúp cho các doanh nghiệp duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để đa dạng hóa hình thức hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, xúc tiến thương mại, phát triển mạnh thương mại điện tử. Tăng cường công tác quảng bá, truyền thông “Du lịch xứ dừa Bến Tre - Điểm đến an toàn, thân thiện, chất lượng”.

- Điều tiết nguồn vốn phù hợp, tập trung vốn đầu tư cho các công trình trọng điểm, nhất là GPMB cho Khu công nghiệp Phú Thuận; đường vào cầu Rạch Miễu 2; Đường ven biển. Tăng cường các giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án, đảm bảo tỷ lệ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao; hạn chế thấp nhất việc gia hạn tiến độ thực hiện hợp đồng đối với các dự án/công trình đầu tư công. Xây dựng cơ chế huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực

đầu tư phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, hỗ trợ các chủ đầu tư xử lý vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn, phấn đấu đến cuối năm 2021 hoàn thành, phát điện khoảng 180MW điện gió. Phối hợp tỉnh Trà Vinh xúc tiến nhanh quy trình hồ sơ, văn kiện, trình cấp thẩm quyền phê chuẩn, ký kết hiệp định vay vốn ODA để triển khai thực hiện dự án Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu.

- Triển khai Kế hoạch phát triển 4.000 ha nuôi tôm biển công nghệ cao; đầu tư hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghệ cao huyện Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú. Hỗ trợ nhà đầu tư sớm triển khai Dự án phát triển, nâng cao chất lượng đàn bò. Tập trung phát triển chuỗi tôm, bò, cây giống - hoa kiểng, thí điểm thành lập vùng sản xuất tập trung. Triển khai Chương trình hỗ trợ nông dân xây dựng các vùng sản xuất nông sản chuyên canh theo tiêu chuẩn; tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến vào sản xuất, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch. Thực hiện việc cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi đạt tiêu chuẩn GAP, hữu cơ và tăng cường công tác quản lý, giám sát theo yêu cầu các nước nhập khẩu. Hoàn thành Đề án thành lập Trung tâm cây giống, hoa kiểng Chợ Lách. Thực hiện các biện pháp phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản; chuẩn bị lịch thời vụ xuống giống vụ hè thu; áp dụng các biện pháp phòng trừ bệnh sâu đục trái bưởi, sâu đầu đen gây hại dừa, tăng cường nuôi ong ký sinh để phòng thích ra vườn dừa. Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp khai thác thủy sản bền vững, tăng cường các giải pháp ngăn chặn và đi đến chấm dứt tình trạng đánh bắt hải sản vi phạm ở vùng biển nước ngoài. Đẩy mạnh xây dựng mô hình tổ hợp tác an ninh trên biển.

- Tập trung triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp chủ lực, lực lượng doanh nghiệp của tỉnh giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư, mở rộng phát triển ngành công nghiệp chế biến, nhất là chế biến tôm, thủy hải sản... Xây dựng hoàn chỉnh Đề án phát triển Trung tâm dừa Đồng Gò trở thành Trung tâm nghiên cứu, phát triển dừa mang tầm quốc gia. Hoàn thành giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Phú Thuận để tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng và kêu gọi đầu tư. Triển khai Kế hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025”, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Cụm công nghiệp Tân Thành Bình.

- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng thị trường xuất khẩu, khai thác tốt tiềm năng thị trường nội địa. Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2030 và Đề án Làng văn hóa du lịch huyện Chợ Lách. Thực hiện tốt các giải pháp nhằm hỗ trợ khách hàng vay vốn để khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19 kéo dài; ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, phát triển nuôi tôm công nghệ cao; tăng cường thanh toán không dùng tiền mặt, nhất là trong lĩnh vực công.

- Tăng cường theo dõi, đánh giá khả năng thực hiện dự toán thu theo từng sắc thuế, từng lĩnh vực nhằm có các biện pháp đôn đốc thu hiệu quả và có kế hoạch chống thất thu thuế đối với các lĩnh vực thuộc diện rủi ro cao, phấn đấu

hoàn thành dự toán được giao. Quản lý, điều hành chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả, tiết kiệm và đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức. Nghiên cứu xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên thời kỳ ổn định mới ngân sách giai đoạn 2022-2025.

- Tổ chức nghiêm túc, an toàn, thực hiện đúng qui định các kỳ thi trong năm học. Chuẩn bị tốt các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khai giảng năm học mới 2021-2022; các điều kiện dạy và học trực tuyến phù hợp tình hình, diễn biến của dịch bệnh Covid-19. Trình phê duyệt Đề án thành lập Trường Đại học tại Bến Tre là thành viên của Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Triển khai Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Bến Tre giai đoạn 2021-2030.

- Bảo đảm đầy đủ, kịp thời lực lượng, vật chất, phương tiện cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại khu vực cách ly; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường tuần tra, kiểm soát tuyến biên giới biển để ngăn chặn các đối tượng nhập cảnh trái phép, quản lý phương tiện tàu thuyền không vi phạm vùng biển nước ngoài. Tập trung các giải pháp để tiếp tục kéo giảm phạm pháp hình sự, tai nạn giao thông; tăng cường công tác đảm bảo an ninh mạng, an ninh thông tin truyền thông. Thực hiện cao điểm về tuyên truyền, kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy tại khu dân cư, hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh. Tập trung tối đa nguồn lực thực hiện hoàn thành Chiến dịch cấp căn cước công dân. Chuẩn bị tốt các điều kiện và tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các cấp đạt yêu cầu theo kế hoạch. Chủ động triển khai công tác chuẩn bị, phòng tránh khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ trong mùa mưa, bão./.

Nơi nhận:

- Vụ TKTH, TCTK;
- VP Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- TTT&DB KTXH QG-TPHCM;
- Các cơ quan TH;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Tiên Dũng